TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2019
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 *V/v ly hôn, tranh chấp con chung***,** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Mỹ H**, sinh năm 1982.

Trú tại: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1975.

Trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị **Trần Mỹ H** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T chung sống với nhau từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng thời gian về sau vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp, dẫn đến cãi nhau và cuộc sống vợ chồng đã không còn. Nay, chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng này nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Chị xác định có 02 người con chung tên: Đặng Cát T, sinh ngày 19/01/2013 và Đặng Như Y, sinh ngày 02/01/1998. Hiện các cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Cát T, còn cháu Như Y thì đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định. Đồng thời, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

*Bị đơn anh **Đặng Văn T** trình bày:*

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ là đúng sự thật.

Nay, anh T đồng ý ly hôn với chị H, đồng ý giao cháu Cát T cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng. Còn cháu Như Y đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ không yêu cầu giải quyết.

Nay, anh T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định. Đồng thời, anh vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Đặng Văn T có nơi trú tại ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật là: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,* nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị H và anh T đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn*:

Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 1999, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký theo quy định nên việc kết hôn không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay, chị H và anh T đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì, trong thời gian chung sống anh, chị thường hay cãi nhau, gây bất hòa với nhau mà không có bên nào có biện pháp khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Xét, mâu thuẫn giữa chị H và anh T là thực tế có xảy ra và sự thỏa thuận của các đương sự trên tinh thần tự nguyện, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung:*

Chị H và anh T có 02 người con chung tên: Đặng Cát T, sinh ngày 19/01/2013 và Đặng Như Y, sinh ngày 02/01/1998. Do cháu Như Y đã trưởng thành nên chị H và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Cát T đang sống chung với chị H, anh T đồng ý giao cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H và anh T không đặt ra

việc cấp dưỡng. Xét, sự thỏa thuận giữa chị H và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Cát T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Còn cháu Như Y đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Chị H và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Mỹ H và anh Đặng Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đặng Cát T, sinh ngày 19/01/2013 cho chị Trần Mỹ H được trực tiếp nuôi dạy. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Anh Đặng Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Mỹ H và anh Đặng Văn T xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Mỹ H phải nộp số tiền 300.000 đồng (án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm) theo biên lai thu số 0002599 ngày 10/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang